

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2021/HS-ST
Ngày 22-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đàm Văn Sự.

Ông Đàm Đình Lập.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 874/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nông Văn T** (tên gọi khác: không), sinh ngày 01 tháng 02 năm 1986 tại Cao Bằng.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm B, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ văn hoá: Lớp 9/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T (đã chết) và bà Lý Thị M, sinh năm 1958; vợ: Trần Thị H, sinh năm 1994; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trường S** (tên gọi khác: không), sinh ngày 20 tháng 9 năm 1979 tại Lạng Sơn.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 2/12 phổ thông; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân G, sinh năm 1957 và bà An Thị H (đã chết); vợ: Phạm Thị L, sinh năm 1982 (đã ly hôn); con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 23/9/2021 Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Bản án chưa có hiệu lực pháp luật).

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam trong một vụ án khác từ ngày 15/5/2021 đến nay, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T:*

1. Ông Đỗ Kim H - Luật sư Văn phòng luật sư Hoàng H, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, bào chữa theo yêu cầu của gia đình bị cáo; có mặt.

2. Ông Triệu Bằng G - Trợ giúp viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng, bào chữa cho bị cáo theo Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tổ tụng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1994; Trú tại: Xóm B, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Quang Văn Đ, sinh năm 1976.

2. Quang Văn T, sinh năm 2000.

3. Cụt Văn H, sinh năm 2003.

4. Lữ Văn H2, sinh năm 2004.

Quang Văn Đ, Quang Văn T, Cụt Văn H, Lữ Văn H2 cùng trú tại: Xóm C, xã K, huyện P, tỉnh Nghệ An.

5. Đinh Thanh T, sinh năm 1988. Trú tại: Khu 7, xã T, huyện B, tỉnh Phú Thọ.

6. Trần Văn Đ, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

7. Lò Văn X, sinh năm 1982. Trú tại: Bản T, xã P, huyện M, tỉnh Sơn La.

8. Mai Anh T, sinh năm 1989. Trú tại : Thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

9. Nguyễn Xuân T, sinh năm 1984. Trú tại: Tổ 4, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

10. Phan Thanh V, sinh năm 1986. Trú tại: Tổ 7, thị trấn H, huyện Q, tỉnh Cao Bằng.

Tất cả người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 00 phút ngày 05/10/2020, Đội tuần tra Đồn Biên phòng Đ phối hợp với Đội đặc nhiệm Phòng phòng chống ma túy và tội phạm Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cao Bằng thực hiện nhiệm vụ tại xóm B, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng phát hiện Nông Văn T sinh năm 1986; trú tại xóm B, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng điều khiển xe mô tô Honda màu đen xám, biển kiểm soát 11B1-376.xx chở theo sau là Quang Văn Đ sinh năm 1976 và Quang Văn T sinh năm 2000 cùng trú tại bản C, xã K, huyện P, tỉnh Nghệ An di chuyển từ hướng xã Đ, huyện A sang huyện T, tỉnh Lạng Sơn có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác ra hiệu dừng xe nhưng T không chấp hành. Tiến hành truy đuổi đến đỉnh dốc CP thuộc địa phận xóm B, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng thì bắt được T, Đ và T2, mở rộng truy xét tổ công tác phát hiện thêm 06 công dân đang ẩn nấp tại khu vực dốc CP là Cụt Văn H sinh năm 2003; Lữ Văn H2 sinh năm 2004 cùng trú tại tỉnh Nghệ An; Đinh Thanh T sinh năm 1988, trú tại tỉnh Phú Thọ; Trần Văn Đ sinh năm 1993, trú tại tỉnh Bắc Giang; Lò Văn X sinh năm 1982, trú tại tỉnh Sơn La; Mai Anh T sinh năm 1989, trú tại tỉnh Thanh Hóa đang chờ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tổ công tác đã đưa các đối tượng về Đồn Biên phòng Đ để điều tra làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Ngày 02/10/2020, Nông Văn T được một người đàn ông Trung Quốc tên “Shi” (quen biết nhau khi bốc vác hàng ở khu vực biên giới) gọi điện qua ứng dụng Wechat đặt vấn đề thuê đón, đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc với số tiền 150CNY (một trăm năm mươi Nhân dân tệ)/người, sẽ có bạn của “Shi” ở Việt Nam gọi điện thoại cho T cùng đón người, T đồng ý. Cùng ngày, Nguyễn Trường S sinh năm 1979, trú tại xóm N, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn được một người đàn ông Việt Nam (không rõ họ tên, địa chỉ) gọi điện thoại để tìm phòng nghỉ cho 08

người (Đ, T, H, H2, T, Đ, X, T) có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc ở thị trấn H, huyện Q và muốn nhờ S giúp đưa họ đi. Người đàn ông này gửi cho S số điện thoại của T và số điện thoại của các công dân để liên lạc, S gọi điện thoại cho T hỏi có đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc được không? T bảo để kiểm tra đường nếu đi được sẽ thông báo lại cho S sau. Khoảng 16 giờ ngày 03/10/2020, T thông báo cho S biết có thể đưa được người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc được. Ngày 04/10/2020, S liên lạc với Quang Văn Đ, Mai Anh T hướng dẫn đón xe taxi từ thành phố Cao Bằng vào thị trấn H đồng thời gọi điện thoại cho Nguyễn Xuân T sinh năm 1984 là quản lý khách sạn SM (địa chỉ: Tổ 04, thị trấn H, huyện Q) đặt phòng nghỉ cho 08 người, S yêu cầu T trả tiền giới thiệu khách 200.000 đồng. Khoảng 20 giờ cùng ngày S đi xe máy xuống thị trấn H, đón 08 người trên đưa đến khách sạn SM, đến 15 giờ ngày 05/10/2020, T đi xe máy sang thị trấn TL gặp S tại quán Karaoke XX, hai người thống nhất chở 02 (hai) người đi trước, số còn lại nhờ T gọi xe taxi đến đón. Sau đó, S, T mỗi người điều khiển 01 xe máy xuống khách sạn SM, đến nơi T chở Mai Văn T bằng xe máy biển kiểm soát 11B1-376.xx đi trước dẫn đường, S chở Lữ Văn H2 bằng xe máy Honda Lead biển kiểm soát 97F7-87xx theo sau khi đến khu vực dốc SP, S được H trả cho 100.000 đồng, sau đó T, S quay lại khách sạn SM, vì T chỉ gọi được xe ô tô 05 chỗ để chở người nên S bảo T chở Cụt Văn H sang xã Đ, còn S gặp Phan Thanh V sinh năm 1986, trú tại tổ 07, thị trấn H, huyện Q là lái xe taxi thỏa thuận tiền công chở khách. Sau đó V điều khiển xe ô tô Ford biển kiểm soát 11A-003xx chở 05 người (Đ, T, T2, Đ, X) sang Đ, còn S gọi điện thoại cho T đón số người này tại ngã ba đường rẽ đi xã K, huyện T, tỉnh Lạng S. Khi T quay ra thì gặp 05 người đang đi bộ hướng vào dốc CP, do trời mưa nên T dẫn mọi người vào nhà nghỉ chờ, được khoảng 15 phút sau, T tiếp tục dùng xe máy chở Đ và T đến dốc CP và dặn 03 (ba) người còn lại đi bộ theo sau, T sẽ quay lại đón, nhưng khi T đến khu vực dốc CP thì bị lực lượng biên phòng phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của Nông Văn T, Nguyễn Trường S đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Quá trình điều tra những người làm chứng: Quang Văn Đ, Quang Văn T, Cụt Văn H, Lữ Văn H2, Đinh Thanh T, Trần Văn Đ, Lò Văn X, Mai Anh T khai nhận do không có việc làm ổn định nên muốn sang Trung Quốc làm thuê. Qua liên lạc với người đàn ông ở bên Trung Quốc, người này cho số điện thoại của Nguyễn Trường S để liên hệ nhờ S đưa đến mốc biên giới để vượt biên trái phép sang Trung Quốc, sau đó S có gọi thêm một người đàn ông để chở đến mốc biên

giới, tuy nhiên chưa sang được bên Trung Quốc đã bị lực lượng chức năng phát hiện đưa về trụ sở làm việc.

Tại bản cáo trạng số 78/CTr-VKSCB(P1) ngày 10/6/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Nông Văn T, Nguyễn Trường S về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Bị cáo Nông Văn T thừa nhận cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội và khai nhận: Người Trung Quốc tên Shi gọi điện cho bị cáo thuê đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nếu thành công sẽ được hưởng 150 CNY/01 người, người Trung Quốc này nói sẽ có người Việt Nam gọi cho bị cáo để đưa người sang Trung Quốc. Ngày 02/10/2020 người đàn ông có số điện thoại 0865.212.966 (sau khi bị bắt bị cáo mới biết người đó tên là Nguyễn Trường S) gọi điện cho bị cáo để trao đổi về việc đưa người sang Trung Quốc qua đường huyện A. Ngày 03, 04 bị cáo đi kiểm tra đường thấy có thể đưa người đi được nên đã thống nhất với S chiều tối ngày 05/10/2020 sẽ đưa người sang Trung Quốc. Trưa ngày 05/10/2020, S gọi điện cho bị cáo sang đón 08 người ở thị trấn TL, bị cáo được đưa 02 người từ thị trấn TL sang đến dốc CP thuộc xóm B, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng, sau đó bị cáo xuống chân dốc CP đón thêm 03 người. Tuy nhiên, khi đang đi thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện bắt giữ.

Nguyễn Trường S cho rằng cáo trạng truy tố bị cáo về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là không oan, nhưng cáo trạng không phản ánh đúng với hành vi bị cáo thực hiện, bị cáo chỉ được đón những người này ở nhà nghỉ SM tại thị trấn H, huyện Q, sau đó đưa những người này đến Đ, huyện A, còn việc những người này đi đâu, làm gì bị cáo không biết, bị cáo xác nhận bị cáo có được nhà nghỉ SM trả cho 200.000đ và người bị cáo chở đi trả cho 100.000đ, ngoài ra không được hưởng lợi gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Thị H khai: Bà là vợ của Nông Văn T, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển kiểm soát 11B1-376.xx là xe của gia đình, đăng ký xe tên Nông Văn T, tiền mua xe là tiền tích góp của hai vợ chồng. Gia đình chị mua chiếc xe này để phục vụ cho mục đích sinh hoạt, đưa con đi học, đi lại của gia đình, hiện tại gia đình không còn chiếc xe nào. Ngày 05/10/2020, T mang xe đi chở người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc bà không biết, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe này cho gia đình.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo

khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nông Văn T, Nguyễn Trường S về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Trường S phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”; về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nông Văn T từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 348; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Nguyễn Trường S từ 06 (sáu) năm đến 07 (bảy) năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 02 điện thoại di động của bị cáo Nông Văn T, ½ giá trị chiếc xe HONDA biển kiểm soát 11B1-376.xx kèm theo 01 đăng ký xe mang tên Nông Văn T; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị H ½ giá trị chiếc xe HONDA biển kiểm soát 11B1-376.xx; các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa trình bày luận cứ bào chữa:

+ Luật sư Đỗ Kim H trình bày: Trong vụ án này bị cáo Nông Văn T thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm, không phải là chủ mưu trong vụ án. Khi đang thực hiện hành vi, chưa đưa được người nào qua biên giới thì bị phát hiện, bị cáo phạm tội chưa đạt. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, bố bị cáo được Bộ trưởng Bộ quốc phòng tặng Bằng khen vì có công. Phạm tội do nhận thức pháp luật hạn chế, nhân thân bị cáo tốt, hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định, con còn nhỏ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức án thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Trợ giúp viên pháp lý Triệu Bằng G trình bày: Nhất trí với cáo trạng truy tố bị cáo và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh đối với các bị cáo. Tuy nhiên cần xem xét đến nhân thân bị cáo tốt, phạm tội lần đầu, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định, chỉ vì hám lời nên đã thực hiện hành vi đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, các bị cáo chưa đưa được người sang Trung Quốc, chưa được hưởng lợi từ hành vi phạm tội do đó hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt. Qua trình điều tra bị cáo tích cực hợp tác

với cơ quan điều tra đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức hình phạt thấp nhất Viện kiểm sát đề nghị.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên đề nghị mức án từ 5 đến 6 năm tù đối với Nông Văn T, không chấp nhận quan điểm của Luật sư bào chữa đề nghị mức hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị.

Bị cáo Nông Văn T không có lời bào chữa bổ sung, không có ý kiến tranh luận. Bị Cáo Nguyễn Trường S không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo Nông Văn T không có ý kiến gì; bị cáo Nguyễn Trường S đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà các bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Trường S và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai của bị cáo Nguyễn Trường S tại phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận; Xét lời khai nhận tội của bị cáo Nông Văn T tại phiên tòa là có căn cứ; hành vi phạm tội của các bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Đoàn Biên phòng Đ lập; các lời khai của Nông Văn T, Nguyễn Trường S tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên tại giai đoạn điều tra, biên bản đối chất giữa 02 bị cáo; Lời khai của người làm chứng phù hợp với lời khai của các bị cáo về thời gian, địa điểm, số lượng người xuất cảnh trái phép; trích xuất dữ liệu điện tử từ điện thoại của bị cáo Nông Văn T và các tài liệu khác xác định người gọi điện liên lạc cho Nông Văn T là Nguyễn Trường S; Biên bản xác minh chủ nhà nghỉ SM, người lái xe taxi cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có

trong hồ sơ vụ án. Xét các tài liệu chứng cứ phù hợp nhau về thời gian, địa điểm, mục đích thực hiện hành vi; các tài liệu chứng cứ được thu thập khách quan, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Vì vụ lợi nên Nông Văn T đồng ý với Shi (người Trung Quốc) đón, đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, hai bên thỏa thuận giá 150CNY(một trăm năm mươi Nhân dân tệ)/người. Ngày 05/10/2020 Nông Văn T và Nguyễn Trường S cùng thống nhất đón, đưa 08 người xuất cảnh trái phép qua khu vực biên giới Việt - Trung, thuộc xóm B, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng, nhưng khi nhóm người trên đang trên đường di chuyển đến dốc CP thì bị lực lượng Biên phòng phát hiện ngăn chặn.

Xét thấy hành vi của Nông Văn T, Nguyễn Trường S tổ chức đón, đưa 08 công dân để vượt biên trái phép sang Trung Quốc làm thuê mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của Nông Văn T, Nguyễn Trường S đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” thuộc trường hợp từ 05 đến 10 người quy định tại điểm c khoản 2 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã viện dẫn ở trên là có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, 02 bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cả 02 bị cáo đều là người thực hành, vai trò là ngang nhau, cụ thể: Bị cáo Nông Văn T là người trực tiếp sử dụng điện thoại trao đổi, liên lạc qua mạng với người đàn ông Trung Quốc tên “Shi” để thỏa thuận giá cả đưa người sang Trung Quốc. Đối với Nguyễn Trường S là người hướng dẫn và đón 08 công dân tại nhà nghỉ SM, thị trấn H, bị cáo là người liên hệ với bị cáo T để đón người; Cả 02 bị cáo đã cùng bàn bạc, thống nhất về thời gian, địa điểm đón, đưa người và trực tiếp lái xe chở người từ thị trấn TL, huyện Q đến khu vực biên giới thuộc xóm B, xã Đ, huyện A, tỉnh Cao Bằng để những người này xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, mục đích là để hưởng lợi về tiền công, tuy nhiên khi đang thực hiện hành vi phạm tội, chưa được hưởng lợi thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo là do điều kiện kinh tế khó khăn, tại địa phương không có việc làm ổn định; xuất phát từ nhu cầu đi sang Trung Quốc lao động của một số công dân; nhận thức pháp luật của các bị cáo và những người đi lao động còn tồn tại nhiều hạn chế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ,

biết hành vi của bản thân vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương; tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp, đặc biệt xảy ra trong thời gian cả nước đang thực hiện công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và chỉ đạo của các ngành, các cấp về ngăn chặn, đấu tranh với các hành vi xuất, nhập cảnh qua biên giới.

Do vậy, việc đưa các bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với các bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân:

Bị cáo Nông Văn T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Bị cáo Nguyễn Trường S trong thời gian được tại ngoại về hành vi đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Cao Bằng xét xử ngày 23/9/2021 xử phạt 12 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (bản án chưa có hiệu lực pháp luật), do đó bị cáo là người có nhân thân xấu.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nông Văn T thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Trường S tại phiên tòa thái độ khai báo chưa thật sự thành khẩn, tuy nhiên tại giai đoạn điều tra bị cáo khi báo thành khẩn về hành vi thực hiện, do vậy cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của người bào chữa cho bị cáo Nông Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự vì bị cáo có bố đẻ là ông Nông Văn T được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ quốc phòng vì đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ, ý kiến này không có căn cứ chấp nhận, vì không thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ. Còn ý kiến của Trợ giúp viên bào chữa cho bị cáo T, đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình

sự là không có căn cứ chấp nhận, vì tại giai đoạn điều tra ban đầu bị cáo không có thái độ hợp tác khi khai báo, khi cho bị cáo nhận dạng, bị cáo không khai ra Nguyễn Trường S.

Do hành vi tổ chức đón, đưa người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của các bị cáo chưa thực hiện được, nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, cần áp dụng khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt chính:

Xét thấy mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận xử bị cáo Nông Văn T mức hình phạt khởi điểm Viện kiểm sát đề nghị; mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Trường S là có phần nghiêm khắc, cần xử bị cáo mức hình phạt thấp hơn Viện kiểm sát đề nghị.

Ý kiến của người bào chữa Đỗ Kim Hảo đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nông Văn T dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liên kê là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với các bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Trường S 300.000đ từ việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội; Tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước 02 chiếc điện thoại của Nông Văn T đã dùng liên lạc thực hiện hành vi phạm tội, ½ giá trị chiếc xe máy HONDA biển kiểm soát 11B1-376.xx của bị cáo Nông Văn T do bị cáo đã dùng thực hiện hành vi phạm tội kèm theo 01 đăng ký xe máy mang tên Nông Văn T; trả lại cho chị Trần Thị H ½ giá trị chiếc xe máy trên do chị không biết Nông Văn T dùng chiếc xe này thực hiện hành vi phạm tội.

[7] Về án phí: Bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Trường S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

Bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Trường S phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự đối với cả 02 bị cáo, xử phạt:

- Nông Văn T 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 05/10/2020.

- Nguyễn Trường S 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 15/5/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Truy thu đối với bị cáo Nguyễn Trường S 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu số tài sản đối với bị cáo Nông Văn T:

+ ½ giá trị chiếc xe máy HONDA đen xám, xe đeo biển kiểm soát 11B1-376.xx, xe đã qua sử dụng.

số khung: RLHJA3816KY040xxx;

số máy: JA38E0526xxx.

Qua cả số khung, số máy thực tế của xe khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông ngày 24/03/2021; kèm theo 01 (một) đăng ký xe máy mang tên Nông Văn T.

+ 02 điện thoại của Nông Văn T gồm: 01 điện thoại di động đen trắng, nhãn hiệu MOBELL màu đỏ đã qua sử dụng có số IMEI1: 810201601456449; IMEI2: 810202601456447, bên trong có số thuê bao di động 0916.081.242; 01 điện thoại di động nhãn hiệu HUAWEI màu đồng, đã qua sử dụng, có số IMEI1: 860906031477950; IMEI2: 860906031518167, bên trong máy có gắn 01 sim điện thoại (được đựng trong 01 phong bì niêm phong mặt trước ghi “điện thoại của bị can Nông Văn T - Tang vật vụ án Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép xảy ra tại xóm B, Đ, A, Cao Bằng”).

- Trả lại cho bà Trần Thị H, sinh năm 1994. Trú tại: B, Đ, A, Cao Bằng: ½ giá trị chiếc xe máy HONDA đen xám, xe đeo biển kiểm soát 11B1-376.xx xe đã qua sử dụng.

số khung: RLHJA3816KY040xxx;

số máy: JA38E0526xxx.

Qua cả số khung, số máy thực tế của xe khớp với phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông ngày 24/03/2021.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 109 ngày 21 tháng 6 năm 2021.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Trường S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm mỗi người 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Nông Văn T, Nguyễn Trường S có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án Trần Thị H có quyền kháng cáo phần bản án sơ thẩm trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Cơ quan điều tra;
- Cục THADS tỉnh Cao Bằng.
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Sở Tư pháp CB;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Người liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hòa